TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
số:06/2018/KDTM-GĐT
Ngày 16-7-2018
V/v tranh chấpHợp đồngtín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:15 (mườilăm) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình -Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Vũ Thị Thái - Thẩm tra viênTòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa****:*

Ông Phương Hữu Oanh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấpHợp đồngtín dụng" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T; địa chỉ: 47 T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 04 T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Kiều Vũ Thụy U, là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (Giấy ủy quyền số 2424/UQ-PC11 ngày 17/11/2011).

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần giấy M; địa chỉ: 109-111 L, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Bảo V, là người đại diện theo pháp luật của Công ty (Tổng Giám đốc).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng N; địa chỉ: 36 N, phường M, huyệnT, thành phố Hà Nội; địa chỉ hiện nay: 2 L, B, Hà Nội(Chi nhánh Phú Mỹ Hưng; địa chỉ: 77 H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N: bà Dương Thị T - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xây dựng A; địa chỉ: 109-111 L, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xây dựng A: ông Nguyễn Tống T, là người đại diện theo pháp luật của Công ty (Tổng Giám đốc).

3.Hộ ông Cao Văn S, gồm: ông Cao Văn S (chủ hộ), sinh năm 1946; bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1950; ông Cao Trường H, sinh năm 1969; bà Cao Thị Thu H, sinh năm 1971; ông Cao Hoàng S1, sinh năm 1973; ông Cao Trường S2, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: 114/23 B, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Bình M, sinh năm 1981; địa chỉ: 63/11B đường 36, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Tống T, sinh năm 1974; địa chỉ: 410/35A C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/11/2011 (được bổ sung ngày 05/12/2011) và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T trình bày:

Ngày 22/4/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T) và Công ty cổ phần giấy M (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số CDU.DN.01.2004.11 với hạn mức là 100.000.000.000 đồng, theo phương thức lãi trả hàng tháng, vốn trả theo từng Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh sim card, thẻ cào.

Biện pháp bảo đảm:

* Công ty M thế chấp cho Ngân hàng T các khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng mua bán thẻ nạp tiền (thẻ cào) giữa Công ty M với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xây dựng A (sau đây gọi tắt là Công ty A) theo 06 Hợp đồng thế chấp sau (với tổng số tiền phải thu là 60.000.000.000 đồng):

- Hợp đồng thế chấp số QCD.HĐTC.02100511 ngày 10/5/2011, trị giá 10.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số QCD.HĐTC.01190511 ngày 19/5/2011, trị giá 13.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số QCD.HĐTC.01200511 ngày 20/5/2011, trị giá 12.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số QCD.HĐTC.02200511 ngày 20/5/2011, trị giá 11.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số QCD.HĐTC.01240511 ngày 24/5/2011, trị giá 11.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp số QCD.HĐTC.01250511 ngày 25/5/2011, trị giá 3.000.000.000 đồng.

Các khoản phải thu được Công ty M thế chấp có bảo lãnh bằng các Thư bảo lãnh do Ngân hàng N - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N) phát hành cho bên nhận bảo lãnh là Công ty M, gồm:

+ Bảo lãnh thanh toán số 269/NHNo-PMH-KHKD ngày 16/5/2011 có trị giá 20.000.000.000 đồng;

+ Bảo lãnh thanh toán số 270/NHNo-PMH-KHKD ngày 16/5/2011 có trị giá 30.000.000.000 đồng.

Ngày 17/5/2011, Công ty M và Công ty A có văn bản gửi Ngân hàng N đề nghị thay đổi bên nhận bảo lãnh từ Công ty M sang Ngân hàng T và được Ngân hàng N xác nhận đồng ý ngày 18/5/2011.

* Công ty M thế chấp tài sản là nhà và đất tọa lạc tại 109-111 L, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 479/2009/GCN-QSHNO&QSDĐO do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/7/2009 cho Công ty M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số QCD.HĐTC.07200411 ngày 22/4/2011.

* Bà Nguyễn Thị Bình M (do ông Nguyễn Tống T làm đại diện theo ủy quyền) thế chấp cho Ngân hàng T 05 tài sản là nhà và đất đều tọa lạc tại phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 786-480, AE999961, AB945863, AB786456, Q647532, do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp (cập nhật thay đổi chủ sử dụng) cho bà Nguyễn Thị Bình M đứng tên chủ quyền theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số QCD.HĐTC.01130611 ngày 14/6/2011.

* Hộ ông Cao Văn S thế chấp cho Ngân hàng T tài sản là quyền sử dụng 406.500 m^2 đất tọa lạc tại xã T (nay là xã S), huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P493246 theo Hợp đồng thế chấp số QCD.HĐTC.01010711 ngày 06/7/2011.

* Ông Nguyễn Tống T lập chứng Thư bảo lãnh cá nhân với Ngân hàng T ngày 22/4/2011 để xác nhận ông Nguyễn Tống T có trách nhiệm trả nợ thay cho bên vay là Công ty M đối với các khoản vay.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, trong thời gian từ ngày 22/4/2011 đến ngày 01/6/2011, Ngân hàng T đã giải ngân 16 lần cho Công ty M theo 16 Khế ước nhận nợ với tổng số tiền 172.000.000.000 đồng.

Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ trả nợ các Khế ước trên, nên Ngân hàng T đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu của các Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số CDU.DN.01.2004.11/KUNN.01 ngày 22/4/2011 sang nợ quá hạn và khởi kiện vụ án. Tính đến ngày 28/10/2011, Công ty M nợ 54.629.416.652 đồng, trong đó nợ gốc 50.000.000.000 đồng (trong tổng số vốn vay 75.000.000.000 đồng) và lãi quá hạn 4.629.416.652 đồng.

Ngày 05/12/2013, Ngân hàng T bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Công ty M phải trả toàn bộ nợ gốc 75.000.000.000 đồng, tiền lãi 8.571.947.631 đồng, tổng là 83.571.947.631 đồng.

Bị đơn là Công ty cổ phần giấy M trình bày: Công ty M xác nhận có vay tại Ngân hàng T theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số CDU.DN.01.200411 ngày 22/4/2011 và đã nhận 75.000.000.000 đồng bằng 16 Khế ước nhận nợ như nguyên đơn trình bày là đúng. Công ty M cam kết thanh toán cho Ngân hàng T số nợ vốn và lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết. Về số dư nợ hiện nay, Công ty M sẽ đối chiếu và xác nhận sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Ntrình bày: Ngân hàng N xác nhận có phát hành các Bảo lãnh thanh toán số 269 ngày 16/5/2011 và số 270 ngày 16/5/2011. Ngân hàng N không xác nhận trách nhiệm bảo lãnh theo các chứng thư trên vì các lý do sau: Các chứng thư này phát hành để bảo đảm việc thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa Công ty M với Công ty A. Các chứng thư này không có mục đích và nghĩa vụ bảo đảm trả nợ thay cho các Hợp đồng tín dụng phát sinh của Công ty M với Ngân hàng T; thời hạn thực hiện chứng thưđã hết, vì chứng thư có giá trị từ ngày 21/5/2011 đến hết ngày 21/7/2011.

Mặt khác, ngày 08/8/2011, Công ty A đã có Công văn số 16/2011 gửi Ngân hàng N thông báo hết hiệu lực trước thời hạn của hai Thư bảo lãnh số 269 và 270, do đó Ngân hàng N không còn nghĩa vụ bảo lãnh đối với hai thư này.

Ngân hàng N đề nghị Tòa án xem xét lại chứng cứ do Ngân hàng T cung cấp là Biên bản làm việc ngày 19/7/2011 giữa Ngân hàng T, Công ty A và Công ty M trong đó có nội dung xác nhận Công ty A mua hàng hóa của Công ty M theo Hợp đồng số 1040/HĐKT/TT-MT ngày 14/4/2011 nhưng chưa thanh toán tiền mua hàng cho Công ty M số tiền 58.000.000.000 đồng, vì có dấu hiệu giả mạo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xây dựng A trình bày: Công ty A xác nhận chữ ký và con dấu trên Biên bản ngày 19/7/2011 về việc xác nhận Công ty A mua hàng hóa của Công ty M theo Hợp đồng số 1040/HĐKT/TT-MT ngày 14/4/2011 nhưng chưa thanh toán cho Công ty M số tiền 58.000.000.000 đồng đúng là chữ ký của ông Nguyễn Tống T - Giám đốc và dấu mộc của Công ty A. Tuy nhiên, theo ý kiến của ông T thì vào ngày 19/7/2011 ông T không ký Biên bản có nội dung trên. Đề nghị cho kiểm tra lại sự xác thực của Biên bản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hộ gia đình ông Cao Văn S do ông Cao Trường H làm đại diện trình bày: Hộ gia đình ông có nhu cầu vay vốn tín dụng số tiền 6.000.000.000 đồng để phát triển sản xuất kinh doanh, nhưng việc làm hồ sơ vay trực tiếp tại các ngân hàng không được nên gia đình ông mới đồng ý việc vay vốn ghép chung với Công ty M dưới hình thức là người bảo lãnh bằng tài sản cho Công ty M vay vốn tại Ngân hàng T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QCD.HDTC.01010711 ngày 06/7/2011. Công ty M ký Hợp đồng tín dụng vay bao nhiêu hộ gia đình ông không biết. Thực tế từ khi hộ gia đình ông

ký Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo lãnh cho Công ty M đến nay chưa thấy ngân hàng giải ngân cho Công ty M, vì vậy, hộ gia đình ông cũng chưa nhận được khoản tiền nào từ ngân hàng hoặc của Công ty M. Hiện nay trên đất đang thế chấp có dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa, Tòa án không đưa Bệnh viện đa khoa vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Ông S yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ngày 06/7/2011 giữa hộ gia đình ông với Công ty M và Ngân hàng T vì bất hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bình M trình bày: Do có nhu cầu vay vốn ngân hàng nhưng gia đình bà có tiền lệ nợ xấu nên không vay được trực tiếp, vì vậy bà M đã nhờ ông Nguyễn Tống T làm thủ tục vay vốn ngân hàng. Ngày 14/6/2011, bà M đã ký Hợp đồng ủy quyền số 018245 và 018246 tại phòng công chứng để ủy quyền cho ông T được quản lý, sử dụng, thế chấp, cho tặng… 05 quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bà. Cùng ngày, hai bên đã lập Văn bản thỏa thuận có nội dung: ông T cam kết liên hệ với các tổ chức tín dụng để thế chấp toàn bộ diện tích nhà và đất của bà M với hạn mức là 10.000.000.000 đồng và chỉ giải ngân 6.000.000.000 đồng; thù lao thực hiện việc ủy quyền là 7%. Ngoài số tiền 6.000.000.000 đồng, ông T không được giải ngân thêm mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bà M. Việc ký kết văn bản thỏa thuận giữa hai bên đãđược Văn phòng thừa phát lại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận tại Vi bằng số 168/2011/VB-TPLQ8 ngày 14/6/2011. Ngày 14/6/2011, ông T đãđem toàn bộ 05 tài sản của bà M thế chấp cho Ngân hàng T để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số QDC.HĐTC.01130611 với số tiền bảo lãnh là hơn 43.000.000.000 đồng. Tại Bản tự khai ngày 30/12/2011, bà M trình bày: bà đã ủy quyền cho ông T thế chấp tài sản cho Ngân hàng T để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty M, nếu Công ty M không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng và tài sản thế chấp bị phát mãi để thu hồi nợ thì đề nghị Ngân hàng xem xét thu hồi khoản tiền tối đa là 5.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M cũng đồng ý phát mãi tài sản bảo đảm để trả khoản nợ cho Ngân hàng T tối đa là 5.000.000.000 đồng.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 891/2012/KDTM-ST ngày 26/6/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam T, buộc Công ty cổ phần giấy M thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số CDU.DN.01.2004.11 ngày 22/4/2011 và Phụ lục kèm theo là 97.866.989.298 đồng, trong đó bao gồm: nợ vốn vay là 75.000.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 26/6/2012 là 22.866.989.298 đồng.Công ty cổ phần giấy M còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ vốn từ ngày 27/6/2012 cho đến ngày trả hết nợ vốn theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số CDU.DN.01.2004.11 ngày 22/4/2011. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá hạn mà Công ty cổ phần giấy M không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản nợ trên thì áp dụng các biện pháp tài sản sau đây:

1. Ngân hàng N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Thư bảo lãnh với số tiền là 64.250.000.000 đồng, trong đó bao gồm: số tiền gốc của nghĩa vụ bảo lãnh là 50.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ ngày 21/7/2011 (ngày phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán Thư bảo lãnh) đến ngày 26/6/2012, theo mức lãi suất nợ quá hạn 30,00%/năm, với số tiền là 14.250.000.000 đồng. Ngân hàng N phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng T trên số nợ gốc của số tiền nghĩa vụ bảo lãnh, tính từ ngày 27/6/2012 đến khi trả hết nợ gốc của nghĩa vụ bảo lãnh, theo mức lãi suất quá hạn là 30,00%/năm.

2. Phát mãi các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật hiện hành để Ngân hàng TMCP Việt Nam T thu hồi nợ, đối với các tài sản sau đây:

** Nhà và đất tọa lạc tại số 109-111 L, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 479/2009/GCN-QSHNO&QSDĐO do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/7/2009 cho Công ty cổ phần giấy M đứng tên chủ quyền.*

** Các tài sản do bà Nguyễn Thị Bình M đứng tên chủ quyền được thế chấp cho Ngân hàng T, gồm các tài sản sau:*

+ Quyền sử dụng 5.581m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 508, tờ bản đố số 49 (thửa cũ 79, 108 theo tài liệu đo năm 2004. Thửa 265, 274, 275, 276, 277, tờ 3 theo tài liệu 02/CT-UB), phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB786480, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00890 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2005, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 09/6/2011 cho bà Nguyễn Thị Bình M đứng tên chủ quyền.

+ Nhà và đất tọa lạc tại số 63/11B đường số 36, KP 8, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 531, tờ bản đồ số 49 (theo tài liệu BĐĐC đo năm 2004) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE999961, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H04204 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2006, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 30/5/2011 cho bà Nguyễn Thị Bình M đứng tên chủ quyền.

+ Nhà và đất tọa lạc tại số 63/10 đường số 36, KP 8, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 634 (số cũ: một phần thửa 81), tờ bản đồ số 49 (theo tài liệu BĐĐC đo năm 2004), tờ bản đồ số 49 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB945863, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00820 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2005, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 09/6/2011 cho bà Nguyễn Thị Bình M đứng tên chủ quyền.

+ Quyền sử dụng 3.896,2 m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 509, tờ bản đồ 49 (thửa cũ 79 theo tài liệu đo năm 2004) thửa 272, 313, tờ 3 theo tài liệu 02/CT-UB, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB786456, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00959 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 14/02/2005, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 10/6/2011 cho bà Nguyễn Thị Bình M đứng tên chủ quyền.

+ Quyền sử dụng 1.274 m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 636 (MPT 80), tờ bản đố 49 (tài liệu đo năm 2004) phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q647532, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00226.QSDĐ do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 23/7/2001, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 10/6/2011 cho bà Nguyễn Thị Bình M đứng tên chủ quyền.

** Quyền sử dụng 406.500 m^2 đất tọa lạc tại tờ bản đồ độc lập, xã Tân Nghĩa (nay là xã S), huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P493246, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1053.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 11/4/2000 cho hộ ông Cao Văn S đứng tên chủ quyền…*

Ngày 03/7/2012, hộ ông Cao Văn S có đơn kháng cáo.

Ngày 09/7/2012, Công ty M, Ngân hàng N, Công ty A, ông Cao Trường H có đơn kháng cáo.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 42/2012/KDTM-PT ngày 17/12/2012, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty cổ phần giấy M và Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xây dựng A; Quyết định và nhận định của bản án sơ thẩm liên quan đến kháng cáo có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 891/2012/KDTM-ST ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh...

3. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng N - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và sửa một phần bản án sơ thẩm:

Quá hạn mà Công ty cổ phần giấy M không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản nợ tại mục 2.1 quyết định này thì áp dụng biện pháp tài sản sau: Ngân hàng N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Thư bảo lãnh với số tiền gốc của nghĩa vụ bảo lãnh là 50.000.000.000 đồng...

Ngày 26/3/2013 và ngày 28/11/2013, Ngân hàng N có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Ngày 12/11/2013 và ngày 06/12/2013, bà Nguyễn Thị Bình M có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Năm 2013,hộ gia đình ông Cao Văn S có đơn gửi Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm Bản án phúc thẩm nêu trên.

Ngày 05/6/2016, ông Hồ Phúc Nguyên có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Ngày 11/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an có Công văn số 1135/CSĐT (C44-P4) gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kiến nghị kháng nghị Bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 22/6/2017, Ngân hàng N tiếp tục có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 16/2017/KN-KDTM ngày 24/7/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 42/2012/KDTM-PT ngày 17/12/2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh,thương mại sơ thẩm số 891/2012/KDTM-ST ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí vớiQuyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về số tiền nợ gốc, lãi: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Công ty Mtrả số tiền gốc + lãi là 97.866.989.298 đồng(tính đến ngày 26/6/2012).Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty M thừa nhận, không tranh chấp. Do đó, Tòa án buộc Công ty Mtrả gốc + lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]Đối với tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty M là nhà, đất tọa lạc tại 109-111 L, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã thế chấp cho Ngân hàng T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số QCD.HĐTC.07200411 ngày 22/4/2011 (có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm), Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm quyết định trong trường hợp Công ty M không trả được nợ thì Ngân hàng T có quyền xử lý tài sản thế chấp này để đảm bảo thu hồi nợ là đúng.

[3]Đối với các Thư bảo lãnh của Ngân hàng N: Ngày 16/5/2011, Ngân hàng N có phát hành 02 Bảo lãnh thanh toán số 269/NHNo-PMH-KHKD (có trị giá 20.000.000.000 đồng) và số 270/NHNo-PMH-KHKD (có trị giá 30.000.000.000 đồng). Theo đó, Ngân hàng N chấp thuận cung cấp một bảo lãnh thanh toán cho Công ty M,để Công ty M bảo lãnh cho Công ty A thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình.Trong các Thư bảo lãnh này không có nội dung về việc chuyển nhượngThư bảo lãnh. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 Quy chế bảo lãnh ngân hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN ngày 26/6/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) thì "Khách hàng có thể chuyển nhượng quyền, nghĩa vụ của mình nếu được các bên có liên quan chấp thuận bằng văn bản". Tại Công văn số 686e/CV-HCM11 ngày 21/4/2011 gửi Công ty M, Ngân hàng Tyêu cầu phải "Có thỏa thuận 3 bên giữa Ngân hàng T, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh (theo mẫu của Ngân hàng T) về việc đồng ý chuyển nhượng quyền thụ hưởng Thư bảo lãnh cho Ngân hàng T".Tuy nhiên, Công ty M và Công ty Ađã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ cho Ngân hàng T, nhưng lại không có ý kiến của Ngân hàng T.Tòa án căn cứ vào Văn bản đề ngày 17/5/2011 của Công ty Mvà Công ty Agửi Ngân hàng N thông báo về việc thay đổi bên nhận bảo lãnh từ Công ty M sang cho Ngân hàng T, đãđược Ngân hàng N ký xác

nhận đồng ý,đểbuộc Ngân hàng N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Ngân hàng T là không đúng.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp của hộ gia đình ông Cao Văn S: Quá trình giải quyết vụ án, ông Sđã thừa nhận có ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng Tđể ghép với Công ty M vay vốn. Ngày 15/6/2012, ông Cao Trường H (con ông Cao Văn S) có đơn yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba giữa hộ gia đình ông Cao Văn Svà Ngân hàng T với lý do trên đất có Dự án Bệnh viện đa khoa Thống Nhất đãđược Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp phép đầu tư từ ngày 30/6/2010; hiện nay đã và đang xây dựng cơ sở hạ tầng, khối văn phòng... Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự làm đơn yêu cầu độc lập, thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Tòa án cấp phúc thẩm có nêu yêu cầu này, nhưng không nhận định gì, cũng không giải quyết, là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông S, cũng như của Bệnh viện đa khoa Thống Nhất. Vì vậy, cần đưa Bệnh viện đa khoa Thống Nhất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị Bình M: Cùng ngày 14/6/2011, bà Nguyễn Thị Bình M đã ký hai Hợp đồng ủy quyền số 018245 và số 018246 (được lập tại Phòng công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh), ủy quyền cho ông Nguyễn Tống T trông nom, cho thuê, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất gồm các thửa: một phần thửa 81, thửa đất số 531, thửa đất số 508, thửa đất số 509, thửa đất số 563 tại phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cùng ngày 14/6/2011, bà M và ông T đã ký Văn bản thỏa thuận có xác nhận của Văn phòng Thừa phát lại Quận 8 trong đó có nội dung bà Mchỉ ủy quyền cho ông T được thế chấp trong phạm vi 10.000.000.000 đồng (trong đó số thực vay là 6.000.000.000 đồng), nhưng ông Tđã thế chấp cho Ngân hàng Tđể bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Mvới số tiền 43.801.409.000 đồng là vượt quá phạm vi ủy quyền. Tòa án quyết định phát mãi toàn bộ các tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị Bình M là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Do đó, khi giải quyết lại vụ án, cần lấy lời khai của ông T, Văn phòng Thừa phát lại và cho đối chất để làm rõ nội dung này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 16/2017/KN-KDTM ngày 24/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 42/2012/KDTM-PT ngày 17/12/2012 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án kinh doanh,thương mạiso thẩm số 891/2012/KDTM-ST

ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minhvề vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấp Hợp đồngtín dụng" giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phầnViệt Nam T với bị đơn là Công ty cổ phần giấy M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N, Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xây dựng A, hộ gia đình ông Cao Văn S, bà Nguyễn Thị Bình M, ông Nguyễn Tống T.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THA dân sựTP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
-Lưu: VT, Vụ GĐKTII (2b), Vụ PC&QLKH TANDTC, Hồ sơ vụán, THS.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình